TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH
Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 24/6/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Đức.
Ông Trương Đức Huy
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Lê Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Bùi Trần P; Sinh ngày: 01/5/2002 *(đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 9 tháng 02 ngày)*; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Xóm S, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Học sinh. Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn M và bà Bùi Thị L; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2019 về hành vi "Cướp tài sản" hiện đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 23/2019/HSST-QĐTG ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình. (có mặt)

1.2. Bùi Văn T; Sinh năm: 2000; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Xóm S, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T và bà Bùi Thị M; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2019 đến nay. (có mặt)

2. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Trần P:
2.1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976.
Nơi ĐKNKTT: Xóm S, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình – Có mặt

3. Người bào chữa:
3.1. Bà Bùi Thị Thiện, sinh năm 1985

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hòa Bình - Có mặt
3.2. Bà Phùng Thị Thoa, sinh năm 1982
Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hòa Bình - Có mặt
4. Người bị hại;
4.1. Cháu Bùi Văn D, sinh ngày 29/4/2005
Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình – Có mặt
+ Người đại diện của cháu Bùi Văn D
Chị Bùi Thị T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình - Có mặt
5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
5.1. Chị Bùi Thị , sinh năm: 1992
Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.
5.2. Chị Bùi Thị M, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Xóm S, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình – Có mặt.
6. Người làm chứng:
6.1 Anh Bùi Văn D1, sinh năm 1984 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/02/2019 Bùi Trần P, một mình đi bộ đến nhà Bùi Văn T chơi và ăn cơm uống rượu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong thì P và T rủ nhau đến xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hoà Bình để uống bia tiếp, sau đó P tự ý lấy xe mô tô của chị Bùi Thị M là mẹ đẻ của T để chở T đi, khi đến nơi thì cả hai vào ngồi uống bia đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì đứng dậy và rủ nhau đi chơi tiếp. Sau đó P điều khiển xe mô tô trên chở T phía sau đi theo đường liên xã, hướng xã L, huyện Y đi xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Khi đi được khoảng 200 mét, tới đoạn đường thuộc địa phận xóm H, xã L, huyện Y thì P làm rơi 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ, lúc này cả P và T đều quay lại nhìn thì thấy Bùi Văn D, đang một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28F1-089.54 đi ở phía sau cùng chiều và dừng lại nhặt chiếc mũ lưỡi trai mà P làm rơi, thấy vậy P liền điều khiển xe chở T đi chậm lại để đợi D, còn D sau khi nhặt được mũ lưỡi trai mà P làm rơi thì tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về phía trước, tuy nhiên khi đi được một đoạn D cũng làm rơi chiếc mũ trên nên không dừng lại nhặt nữa và tiếp tục điều khiển xe đi. Khi D đi đến gần vị trí mà P đang điều khiển xe mô tô đi phía trước, thì P liền ép xe mô tô chặn phía trước đầu xe của D và vẫy tay yêu cầu D dừng lại, D liền dừng xe mô tô lại và vẫn ngồi ở trên yên xe mô tô thì P cùng với T xuống xe đi đến bên cạnh D, P hỏi D "có lấy mũ không", D trả lời là "không lấy", T nói "sao thấy như lấy", lúc này D chưa kịp trả lời thì P và T đã dùng tay không đấm vào người D, P dùng tay phải đấm 01 nhát vào phía dưới mắt bên phải của D và đấm tiếp 02 nhát vào bả vai phía sau bên phải của D, còn T thì dùng tay phải đấm 02 nhát vào bả vai phía sau bên trái của D. Ngay khi vừa đánh D xong, P quan sát xung quanh không thấy có người nên đã nảy sinh ý định

cướp tài sản của D nên P đã yêu cầu D xuống xe đi bộ đến vị trí gần gốc cây trám cách đó khoảng 10 mét về phía xã V, huyện L, khi P đưa D đi thì T vẫn đứng ở vị trí cũ. Khi tới nơi thì P hỏi D "mày có tiền không", D trả lời "em không có tiền", lúc này T đang đứng ở vị trí mà D dựng xe mô tô và nghe thấy P hỏi D, nên T biết là P có ý định cướp tiền của D, T liền dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1-089.54 của D đến và yêu cầu D mở cốp xe mô tô ra để kiểm tra xem có tiền không thì T sẽ chiếm đoạt. Lúc này do thấy xung quanh không có người, trời tối, mặt khác ngay trước đó lại vừa bị P và T đánh xong, D lo sợ sẽ tiếp tục bị đánh nên đã phải mở cốp xe mô tô ra cho T và P kiểm tra, khi D mở cốp xe mô tô ra thì cả P và T đều thấy trong cốp xe có 01 chiếc hộp đựng kính, T nghĩ bên trong hộp đựng kính có tiền nên cầm lên và mở ra kiểm tra thì thấy bên trong chỉ có 01 chiếc kính mắt nhưng không để ý đặc điểm của kính, T đóng hộp đựng kính lại và cầm luôn ở trên tay phải với mục đích chiếm đoạt chiếc kính trên, P đứng ngay bên cạnh và cũng nhìn thấy rõ toàn bộ. Lúc này D nói chiếc kính là của chị và xin P, T cho D đi về, thấy D xin về thì P tiếp tục hỏi D có tiền không thì đưa cho P, D nói có 300.000 đồng trong túi là tiền mua thẻ điện thoại cho mẹ, nghe D nói vậy P liền nói "đưa tiền đây tao mang thẻ đến đấy cho", lúc này D nhìn thấy có ánh đèn xe mô tô từ xa đang đi đến nên đã không đồng ý đưa tiền cho P, thấy vậy T liền nói "đưa tiền đây" và đi ra sau lưng định móc tiền ở túi của D, nhưng D đã tránh ra, thấy vậy P "đưa tiền đây thì tao cho về", lúc này D thấy ánh đèn xe mô tô đã đi đến gần không còn lo sợ nữa và nói lại với T, P là "tiền này không cho được". Đồng thời lúc này, cả T và P đều phát hiện có xe mô tô của anh Bùi Văn D1 là bố của D đi đến, thấy vậy P liền điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau cầm theo chiếc hộp đựng kính đeo mắt bên trong bỏ chạy về phía xóm H, xã L, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Thấy vậy, anh D1 liền hỏi D và được D kể lại nội dung vụ việc, anh D1 liền điều khiển xe mô tô đuổi theo P và T tới địa phận xóm H, xã L đuổi kịp, P liền dừng xe mô tô lại và khi anh D1 đến gần thì P nói luôn "tao là con nhà Mạo ở xóm S, mày muốn làm gì thì làm", anh D1 nghe P nói vậy thì đi về và cùng gia đình đi báo chính quyền địa phương, còn P thì tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T bỏ đi, khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc địa phận xóm H, xã L thì T mở hộp kiểm tra chiếc kính đeo mắt vừa lấy của D, còn hộp đựng kính thì T vứt luôn ở mé đường bên phải tính theo hướng xã L đi xã V, T thấy chiếc kính đeo mắt vừa lấy là kính nữ nên đã đưa cho P và bảo đây là kính nữ, P cầm kính xem và thấy không sử dụng được nên đã vứt ở mé đường bên phải tính theo hướng xã L - xã V, sau đó cả hai đi về nhà. Đến ngày 04/02/2019 thì Bùi Trần P và Bùi Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt, giữ .

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 12/02/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã kết luận: 01 kính mắt thời trang nữ có giá là 200.000 đồng tại thời điểm ngày 03/02/2019.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-YT ngày 10/5/2019Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Bùi Trần P và Bùi Văn T về tội "Cướp tài sản' theo điểm e, khoản 2, điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Trần P, Bùi Văn T phạm tội cướp tài sản.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 168, điểm b,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điều 91, điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Trần P từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại vì thế không đề cập xử lý.

- Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Trần P và Bùi Văn T trình bày bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Trần P, Bùi Văn T phạm tội cướp tài sản.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 168, điểm b,h,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91, điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Trần P từ 04 năm 06 tháng đến 5 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 168, điểm b,h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58, điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn T 05 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

* Về án phí: Bị cáo là Hộ nghèo và sống ở vùng kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự cho bị cáo Bùi Trần P và Bùi Văn T.

Tại phiên toà các bị cáo Bùi Trần P, Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người bị hại, người đại diện cho bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[*1] Về tố tụng Hình sự:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[*2] Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào tối ngày 03/02/2019 sau khi ăn cơm uống rượu Bùi Trần P cùng Bùi Văn T đi uống bia. Đến 20h cùng ngày cả hai rủ nhau tiếp tục đi chơi khi đến khu vực xóm H, xã L thì P làm rơi mũ lưỡi trai nên quay lại nhìn thì thấy Bùi Văn D nhặt được mũ nhưng sau đó D cũng làm rơi mũ xuống đường. Khi D đến gần thì P ép và chặn xe mô tô của D lại, khi D dừng lại P hỏi D "có lấy mũ không", D nói "không lấy" thì T nói "Sao thấy như lấy" D chưa kịp trả lời thì bị P và T dùng tay không đấm liên tiếp vào bả vai bên phải, bả vai bên trái và vào mắt D. Lúc này quan sát xung quanh không có người nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của D nên ép D dắt xe tới khu vực gốc Trám và yêu cầu đưa tiền, sau đó T dắt xe tới cùng với P uy hiếp buộc D phải mở cốp xe mô tô do sợ hãi vừa bị đánh đồng thời xung quanh vắng người D mở cốp xe thì T lấy được 01 kính mắt nữ. P tiếp tục yêu cầu đưa tiền thì D nói có 300.000đ của mẹ để mua thẻ điện thoại không cho được, lúc này có anh Bùi Văn Dưởng là bố đẻ của D từ xa đi tới nên P điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau cầm theo hộp kính bỏ chạy. Đến ngày 04/02/2019 Bùi Trần P và Bùi Văn T bị bắt giữ.

Các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực tấn công đấm vào mắt, bả vai trái, bả vai phải, lợi dụng đêm tối tại đoạn đường vắng người làm cho bị hại không thể kháng cự sau đó chiếm đoạt tài sản. Trong vụ án người bị hại khi bị xâm hại có độ tuổi 13 tuổi 9 tháng 4 ngày vì vậy Bùi Trần P và Bùi Văn T đã phạm tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm e, khoản 2, điều 168 Bộ luật hình sự;

Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Trần P, Bùi Văn T rất nguy hiểm cho xã hội với thủ đoạn liều lĩnh cùng lúc xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của người khác làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân vì vậy cần phải có bản án nghiêm khắc đối với các bị cáo góp phần giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Trần P, Bùi Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, các bị cáo nhất thời phạm tội, Hậu quả của tội phạm không lớn, là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, sau khi phạm tội đã tác động đến giá đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Ông nội bị cáo Bùi Văn T là Bùi Văn B và ông ngoại là Bùi Văn T là người đã từng tham gia quân đội, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, kỷ niệm chương được ghi danh là người có công với cách mạng. Bản thân bị cáo T trong thời gian học ở trường

trung học cơ sở L, huyện Y được tặng giấy khen đoạt giải nhất cuộc thi đẩy gậy cấp tỉnh, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,h,s, khoản 1, khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[*4] Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án*:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Bùi Trần P đóng vai trò khởi xướng Bùi Văn T đóng vai trò giúp sức qua việc cùng đánh và trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Từ những nhận định nêu trên thấy cần áp dụng điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự để cá thể hóa hình phạt tướng xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Về nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội bị cáo Bùi Trần P là người chưa thành niên để áp dụng các quy định tại điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy cần buộc các bị cáo Bùi Trần P và Bùi Văn T sống cách ly xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian lao động, cải tạo thành người có ích.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, bị cáo Bùi Trần P là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Bùi Văn D đã nhận bồi thường của bà Bùi Thị L (mẹ bị cáo Bùi Trần P) là 1.000.000đ (một triệu đồng) nhận bồi thường của bà Bùi Thị M (mẹ bị cáo Bùi Văn T) là là 1.000.000đ (một triệu đồng) tổng cộng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) nay người bị hại, đại diện của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy không đề cập xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 chiếc xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu HODA loại xe Wave màu sơn đen bạc là xe mô tô của bà Bùi Thị M, bà M không biết việc các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội vì vậy bà M không có lỗi nên trả lại tài sản trên cho bà M.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Các bị cáo sống ở vùng kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

- Các bị cáo: Bùi Trần P, Bùi Văn T, người bị hại, người đại diện cho bị cáo, đại diện cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác: Đối với số tiền 1.000.000đ của bà Bùi Thị M bỏ ra thay bị cáo T bồi thường cho người bị hại, nay bà M không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên không đề cập xem xét.

Đối với thương tích của Bùi Văn D đã từ chối giám định không yêu cầu nên không xem xét.

[11] Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Bùi Trần P, Bùi Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng: điểm e, khoản 2, Điều 168; điểm b,h,s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điều 54, điều 91, điều 101 điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Trần P 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 04/02/2019.

+ Áp dụng: điểm e, khoản 2, Điều 168; điểm b,h,s, khoản 1, khoản 2, điều 51, điều 54, điều 17, điều 58 điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 05 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 04/02/2019.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Bùi Thị M 01 xe mô tô nhãn hiệu HODA loại xe Wave có đặc điểm mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y và Chi cục thi hành án huyện Y.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, miễn cho các bị cáo Bùi Trần P và Bùi Văn T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người đại diện của người bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình để xin xét xử Pc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn 15 ngày này được tính từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- UBND xã Lạc S
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai
- VKSND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- UBND xã Hà Bầu
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa